

Số: 112/2020/QĐST-HNGĐ

Lấp Vò, ngày 13 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 134/2020/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Huỳnh Quang L, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Số 1626A quốc lộ 1A, phường T, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị Bùi Thị Bé H, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 664, ấp A, xã Đ, huyện LV, Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Huỳnh Quang L và chị Bùi Thị Bé H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Anh Huỳnh Quang L và chị Bùi Thị Bé H tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Huỳnh Ngọc A, sinh ngày 01/11/2017 cho chị Bùi Thị Bé H trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu Huỳnh Ngọc A hiện đang do chị H nuôi dưỡng).

Chị Bùi Thị Bé H không yêu cầu anh Huỳnh Quang L có nghĩa vụ đóng góp (Cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu Huỳnh Ngọc A.

Chị Bùi Thị Bé H và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Huỳnh Quang L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Về chia tài sản: Anh Huỳnh Quang L và chị Bùi Thị Bé H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Anh Huỳnh Quang L và chị Bùi Thị Bé H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Anh Huỳnh Quang L tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số BH/2018/ 0009339, ngày 20/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV. Anh L được nhận lại tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- UBND xã Đ;
- (GCNKH số 58 ngày ĐK 15/5/2019)
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(Đã ký)

Trần Văn Kiến